

CHƯƠNG I: ĐOẠN THẲNG. §1. ĐIỂM. ĐƯỜNG THẲNG.

I/ MỤC TIÊU: Học xong bài này học sinh phải:

1. Kiến thức:

- Hiểu điểm là gì? Đường thẳng là gì?
- Hiểu quan hệ điểm thuộc (Không thuộc) đường thẳng.

2. Kỹ năng:

- Biết vẽ điểm, đường thẳng.
- Biết sử dụng kí hiệu \in , \notin .

3. Thái độ:

- Vẽ hình cẩn thận và chính xác.

II/ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

- Phương pháp Vấn đáp, phương pháp trực quan,
- Phương pháp tích hợp, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp luyện tập.

III/ CHUẨN BỊ:

Giáo viên: Đọc tài liệu, nghiên cứu soạn bài SGK, thước thẳng.

Học Sinh: Chuẩn bị bài theo hướng dẫn SGK

Dụng cụ học tập. Đọc trước bài.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Ổn định lớp: Năm sĩ số, nề nếp lớp. (1 Phút)

2. Kiểm tra bài cũ: (4 Phút

Kiểm tra đồ dùng học tập của học sinh

3. Nội dung bài mới:

a/ Đặt vấn đề.

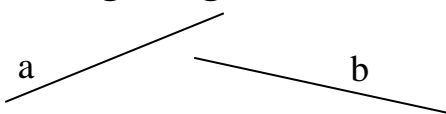
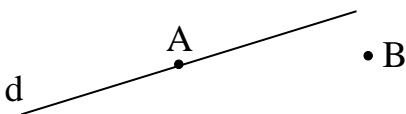
Giới thiệu chương trình học 6: Chương I: Đoạn thẳng. Chương II: Góc.

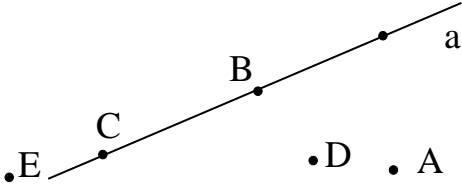
Mỗi hình phẳng là một tập hợp điểm của mặt phẳng. Ở lớp 6 ta sẽ gặp một số hình phẳng như: Đoạn thẳng, tia, đường thẳng, góc, tam giác, đường tròn,....

Hình học phẳng nghiên cứu các tính chất của hình phẳng. (GV giới thiệu hình hình học trong bức tranh lụa nổi tiếng của Héc-Banh, họa sĩ người Pháp, vẽ năm 1951. SGK-T 102.). Tiết học này đi nghiên cứu một số hình đầu tiên của hình học phẳng đó là: Điểm - Đường thẳng.

b/ Triển khai bài.

TG	HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY VÀ TRÒ	NỘI DUNG KIẾN THỨC
13 Phút	Hoạt động 1: Tìm hiểu về điểm GV: Vẽ lên bảng Ttheo từng thao tác: chấm, ghi tên A, B ...) rồi giới thiệu điểm.	1. Điểm: <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;"> • M • B </div> (Hình 1) - Dấu chấm nhỏ trên trang giấy

<p>12 Phút</p>	<p>Tiếp tục đọc tên, viết tên các điểm có trong hình GV vừa mới vẽ và hình 1 SGK để hình thành khái niệm các điểm phân biệt. HS: Đọc tên các điểm ở hình 2 SGK. Có nhận xét gì? Thế nào là hai điểm phân biệt? Quy ước. GV: Giới thiệu khái niệm hình và điểm là một hình.</p> <p>Hoạt động 2: Tìm hiểu đường thẳng GV: Giới thiệu hình ảnh của đường thẳng. Ta dùng dụng cụ gì để vẽ đường thẳng? GV hướng dẫn HS vẽ một đường thẳng (có kéo dài về hai phía) đặt tên, đọc tên đường thẳng. GV: Vẽ hình bài tập 1 (H6 SGK) HS giải bài tập 1 có chú ý các điểm phân biệt có tên khác nhau nhưng các điểm có tên khác nhau chưa hẳn đã phân biệt. GV: Chú ý cho HS đường thẳng là một hình.</p>	<p>là hình ảnh của điểm . - Người ta dùng các chữ cái in hoa A , B , C . . . để đặt tên cho điểm. - <i>Bất cứ hình nào cũng là tập hợp của các điểm.</i> Một điểm cũng là một hình.</p> <p>2. Đường thẳng:</p>  <p>- Sợi chỉ căng thẳng, mép bàn, nét bút chì vạch theo thước thẳng trên trang giấy... cho ta hình ảnh của đường thẳng. - Người ta dùng các chữ cái thường a , b,... m ... để đặt tên cho đường thẳng.</p>
<p>10 Phút</p>	<p>Hoạt động 3: Tìm hiểu điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng HS: Quan sát hình 4 SGK. GV giới thiệu quan hệ của A, B với đường thẳng d (trên bảng phụ). GV: Giới thiệu cách viết, cách đọc của một điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng, yêu cầu HS viết và đọc ký hiệu tương tự.</p>	<p>3. Điểm thuộc đường thẳng - Điểm không thuộc đường thẳng:</p>  <p>Trên hình vẽ ta nói Điểm A thuộc đường thẳng d Ký hiệu: $A \in d$ Ta còn nói: Điểm A nằm trên đường thẳng d hay đường thẳng d đi qua điểm A hay đường thẳng d chứa điểm A. Điểm B không thuộc đường thẳng d Ký hiệu: $B \notin d$ Ta còn nói: Điểm B không nằm</p>

	<p>GV: Cho HS làm HS: Thực hiện GV: Dùng hình 6 sau khi đã giải xong bài tập 1, yêu cầu HS dùng các ký hiệu để ghi các quan hệ. HS làm bài tập?</p>	<p>trên đường thẳng d hay đường thẳng d không đi qua điểm B hay đường thẳng d không chứa điểm B. [?]</p>  <p>a, Điểm C thuộc đường thẳng a. b, Điểm E không thuộc đường thẳng a c, Vẽ $B, D \in a; A, I \notin a$</p>
--	--	--

4. Củng cố: (4 Phút)

- Giáo viên hệ thống hóa lại các kiến thức trọng tâm
- Hướng dẫn làm bài tập trong sách bài tập 1; 2 SGK.

5. Dặn dò: (1 Phút)

- Học bài theo SGK + vở ghi.
- Làm bài tập 3, 5, 6 (T 104-105). Bài tập 1, 2, 3 (95-96 - SBT).
- Đọc trước bài: Ba điểm thẳng hàng.

§3. ĐƯỜNG THẲNG ĐI QUA HAI ĐIỂM.

I/ MỤC TIÊU: Học xong bài này học sinh phải:

1. Kiến thức:

- Học sinh hiểu có một và chỉ một đường thẳng đi qua 2 điểm phân biệt.

2. Kỹ năng:

- Học sinh biết vẽ đường thẳng đi qua 2 điểm, đường thẳng cắt nhau, song song.
- Rèn luyện tư duy: Nắm vững vị trí tương đối của đường thẳng trên
- Mặt phẳng.

3. Thái độ:

- Vẽ cẩn thận, chính xác đường thẳng đi qua 2 điểm A và B.

III/ CHUẨN BỊ:

II/ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

- Phương pháp Vấn đáp, phương pháp trực quan,
- Phương pháp tích hợp, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp luyện tập.

III/ CHUẨN BỊ:

Giáo viên: Đọc tài liệu, nghiên cứu soạn bài

Thước thẳng, phấn màu, bảng phụ.

Học Sinh: Chuẩn bị bài theo hướng dẫn SGK

Thước thẳng.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. **Ôn định lớp:** Năm sĩ số, nề nếp lớp. (1 Phút)

2. **Kiểm tra bài cũ:** (4 Phút)

HS: Khi nào 3 điểm A, B, C thẳng hàng, không thẳng hàng? Cho điểm A vẽ đường thẳng đi qua A. Vẽ được bao nhiêu đường thẳng đi qua A?



Hỏi thêm: Cho B (B # A) vẽ đường thẳng đi qua A và B? Có bao nhiêu đường thẳng đi qua A và B? (một đường thẳng).

3. **Nội dung bài mới:**

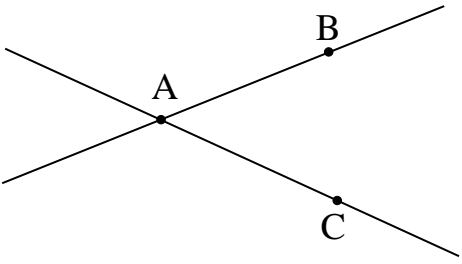
a/ **Đặt vấn đề.**

Để vẽ đường thẳng đi qua 2 điểm ta phải làm thế nào và vẽ được mấy đường thẳng đi qua 2 điểm đó, tên của đường thẳng là gì? Bài hôm nay:

b/ **Triển khai bài.**

TG	HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY VÀ TRÒ	NỘI DUNG KIẾN THỨC
13 Phút	<p>Hoạt động 1: Tìm hiểu cách vẽ đường thẳng</p> <p>GV: Cho điểm C hãy vẽ đường thẳng đi qua điểm C. Vẽ được mấy đường thẳng?</p> <p>GV: Cho 2 điểm A và B. Hãy vẽ đường thẳng đi qua B, C. Vẽ được mấy đường thẳng?</p> <p>GV: Em đã vẽ đường thẳng BC bằng cách nào?</p> <p>HS: nêu cách vẽ đường thẳng đi qua hai điểm</p> <p>GV: Như vậy qua hai điểm A và B vẽ được mấy đường thẳng ?</p> <p>HS: Nêu nhận xét</p> <p>Cho hai điểm P, Q vẽ đường thẳng đi qua hai điểm P, Q.</p> <p>GV: Có mấy đường thẳng đi qua hai điểm P, Q?</p> <p>HS: Lên bảng trình bày cách vẽ.</p> <p>GV: Cho hai điểm E ; F vẽ đường không thẳng đi qua hai điểm đó ? Số</p>	<p>1. Vẽ đường thẳng</p> <p>Muốn vẽ đường thẳng đi qua hai điểm A và B ta làm như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Đặt cạnh thước đi qua hai điểm A và B+ Dùng đầu chì vạch theo cạnh thước  <p>Nhận xét:</p> <p>Có một và chỉ một đường thẳng đi qua hai điểm A, B</p> 

10 Phút	<p>đường thẳng vẽ được</p> <p>Hoạt động 2: Tìm hiểu cách đặt tên cho đường thẳng</p> <p>GV: Các em đã biết đặt tên đường thẳng ở bài 1 như thế nào?</p> <p>GV: Vẽ ba đường thẳng với tên gọi khác nhau</p> <p>GV: Giới thiệu tiếp hai trường hợp còn lại</p>	<p>2. Tên đường thẳng</p> <p>Ta đặt tên đường thẳng bằng một chữ cái thường, hai chữ cái thường hay tên của hai điểm xác định đường thẳng đó</p> <div style="text-align: center;">a</div> <hr/> <p>Đường thẳng a</p> <div style="text-align: center;">x y</div> <hr/> <p>Đường thẳng xy</p> <div style="text-align: center;">A B</div> <hr/> <p>Đường thẳng AB</p> <p>☐ Hướng dẫn</p> <p>Bốn cách gọi còn lại là: Đường thẳng AC; BA; BC; CA</p>
12 Phút	<p>Hoạt động 3: Tìm hiểu quan hệ giữa các đường thẳng</p> <p>GV: Lấy bài tập ☐ để giới thiệu các đường thẳng AB và CB trùng nhau.</p> <p>GV: Hãy gọi tên các đường thẳng trùng nhau khác trên hình vẽ?</p> <p>GV: Vẽ hình hai đường thẳng AB, AC có 1 điểm chung A</p> <p>GV: Hai đường thẳng này có trùng nhau không?</p> <p>GV: Giới thiệu hai đường thẳng phân biệt.</p>	<p>3. Đường thẳng trùng nhau, cắt nhau, song song</p> <p>a) Hai đường thẳng trùng nhau:</p> <div style="text-align: center;">A B C</div> <hr/> <p>AB và BC là hai đường thẳng trùng nhau</p> <p>b) Hai đường thẳng cắt nhau :</p>

<p>GV: Hai đường thẳng phân biệt AB, AC có mấy điểm chung? được gọi là hai đường thẳng như thế nào?</p> <p>GV: Vẽ hình hai đường thẳng xy và zt không trùng nhau, không cắt nhau</p> <p>GV: Hai đường thẳng xy, zt có trùng nhau không? chúng có điểm chung nào không?</p> <p>GV: Giới thiệu hai đường thẳng song song</p> <p>GV: Thế nào là hai đường thẳng song song?</p> <p>GV: Thế nào là hai đường thẳng phân biệt?</p> <p>GV: Hai đường thẳng phân biệt có thể xảy ra những quan hệ nào?</p> <p>HS: Nêu chú ý</p>	 <p>Hai đường thẳng AB, AC chỉ có một điểm chung, ta nói chúng cắt nhau.</p> <p>A là giao điểm của hai đường thẳng.</p> <p>c) Hai đường thẳng song song:</p> <table style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td style="text-align: center;">x</td> <td style="text-align: center;">y</td> </tr> <tr> <td colspan="2" style="text-align: center;">—————</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">z</td> <td style="text-align: center;">t</td> </tr> <tr> <td colspan="2" style="text-align: center;">—————</td> </tr> </table> <p>Hai đường thẳng xy, zt không có điểm chung nào, ta nói chúng song song.</p> <p><i>Chú ý:</i></p> <p>Hai đường thẳng không trùng nhau còn được gọi là hai đường thẳng phân biệt.</p> <p>Hai đường thẳng phân biệt hoặc chỉ có một điểm chung hoặc không có điểm chung nào.</p>	x	y	—————		z	t	—————	
x	y								
—————									
z	t								
—————									

4. Củng cố: (4 Phút)

- Với 2 đường thẳng có những vị trí nào?
- Chỉ ra số giao điểm trong từng trường hợp?

5. Dặn dò: (1 Phút)

- Học thuộc bài.
- BTVN: 15; 16; 17; 18; 19; 20 (SGK-T 109).
- Đọc kỹ trước bài thực hành trang 110.
- Mỗi tổ chuẩn bị: 3 cọc tiêu theo quy định của SGK, 1 dây dọi (Dài 1,5 m; có một đầu nhọn).

§5. TIA.

I/ MỤC TIÊU: Học xong bài này học sinh phải:

1. Kiến thức:

- Học sinh biết định nghĩa mô tả tia bằng các cách khác nhau.
- Học sinh biết thế nào là 2 tia đối nhau, 2 tia trùng nhau.

2. Kỹ năng:

- Học sinh biết vẽ tia, biết đọc tên của một tia.
- Biết phân loại 2 tia chung gốc.

3. Thái độ:

- Phát biểu chính xác các mệnh đề toán học, rèn luyện kỹ năng vẽ hình, quan sát, nhận xét của HS.

III/ CHUẨN BỊ:

II/ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

- Phương pháp Vấn đáp, phương pháp trực quan,
- Phương pháp tích hợp, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp luyện tập.

III/ CHUẨN BỊ:

Giáo viên: Đọc tài liệu, nghiên cứu soạn bài
Thước thẳng, phấn màu, bảng phụ (BT 22-112 SGK).

Học Sinh: Chuẩn bị bài theo hướng dẫn SGK
Thước thẳng, bút khác màu.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Ổn định lớp: Năm sĩ số, nề nếp lớp. (1 Phút)

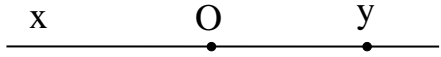
2. Kiểm tra bài cũ: (4 Phút)

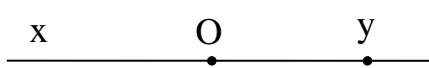
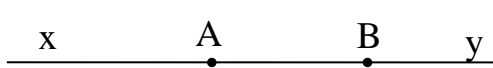
HS: Vẽ đường thẳng xy, vẽ điểm O trên đường thẳng xy
Điểm O chia đường thẳng xy thành mấy phần?

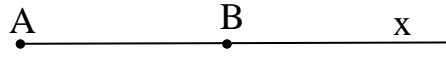
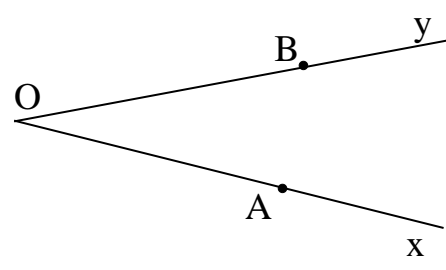
3. Nội dung bài mới:

a/ Đặt vấn đề.

b/ Triển khai bài.

TG	HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY VÀ TRÒ	NỘI DUNG KIẾN THỨC
13 Phút	<p>Hoạt động 1: Hình thành khái niệm tia</p> <p>GV : Vẽ hình lên bảng</p> <p>GV: Đường thẳng xy được chia thành mấy phần?</p> <p>GV: Điểm 0 trên đường thẳng xy thuộc nửa nào?</p> <p>GV: Dùng phấn màu tô phần đường thẳng Ox</p>	<p>1. Tia</p>  <p>Hình gồm điểm 0 và một phần đường thẳng bị chia ra bởi điểm 0 được gọi là một tia gốc 0 (hay nửa đường thẳng gốc 0)</p>

10 Phút	<p>GV: Giới thiệu hình gồm điểm O và phần đường thẳng này là một tia gốc O.</p> <p>GV: Thế nào là một tia gốc O?</p> <p>GV: Giới thiệu tên của hai tia Ox, Oy còn gọi là nửa đường thẳng Ox, Oy.</p> <p>GV: Tia Ox bị giới hạn ở điểm nào. Không bị giới hạn về phía nào?.</p> <p>GV: Nên khi đọc (Hay viết) tên của một tia, phải đọc (Hay viết) như thế nào?</p> <p>GV: Cho HS trả lời miệng bài 22a.</p> <p>Tương tự GV cho HS trả lời định nghĩa một tia gốc A</p> <p>HD 2: Tìm hiểu hai tia đối nhau</p> <p>GV: Cho HS quan sát và nói lên đặc điểm của hai tia Ox, Oy</p> <p>Từ đó GV giới thiệu hai tia đối nhau</p> <p>GV: Hai tia đối nhau có mấy đặc điểm? Đó là những đặc điểm gì?</p> <p>GV: Vậy Hai tia như thế nào là hai tia đối nhau?</p> <p>GV: Em có nhận xét gì về mỗi điểm trên đường thẳng?</p> <p>GV: Cho học sinh nêu nhận xét</p> <p>GV: Cho HS thực hiện ?1</p> <p>HS đọc đề bài và nêu yêu cầu của đề bài</p> <p>GV: Hãy cho biết tại sao Ax và By không phải là hai tia đối nhau? Hai tia này còn thiếu điều kiện nào?</p> <p>GV: Trên hình vẽ có mấy điểm? Sẽ có mấy tia đối nhau? Đó là những tia nào?</p> <p>HS lên bảng trình bày</p>	<p>Khi đọc (Hay viết) tên một tia, phải đọc (Hay viết) tên gốc trước</p> <p>2. Hai tia đối nhau</p>  <p>Hai tia gọi là đối nhau khi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hai tia chung gốc. - Tạo thành đường thẳng. <p>Nhận xét</p> <p>Mỗi điểm trên đường thẳng là gốc chung của hai tia đối nhau</p> <p>?1 Hướng dẫn</p>  <p>a) Tại sao Ax, By không phải là hai tia đối nhau ?</p> <p>b) Trên hình có những tia nào đối nhau?</p> <p>Hướng dẫn</p> <p>a) Vì hai tia Ax và By không chung gốc.</p>
------------	---	---

6 Phút	<p>HS nhận xét và bổ sung thêm GV: Thống nhất cách trình bày cho HS</p> <p>Hoạt động 3: Tìm hiểu hai tia trùng nhau</p> <p>GV : Cho HS quan sát hình vẽ và nói lên quan hệ giữa hai tia Ax và AB</p> <p>GV: Em có nhận xét gì về đặc điểm của hai tia AB và Ax?</p> <p>GV : Hai tia trùng nhau là 2 tia mà mọi điểm đều là điểm chung.</p> <p>GV Lưu ý : Từ nay về sau khi nói về 2 tia mà không nói gì thêm ta hiểu là 2 tia phân biệt</p>	<p>b) Các tia đối nhau là: Ax và Ay; Bx và By</p> <p>3. Hai tia trùng nhau</p>  <p>Tia Ax và tia AB là hai tia trùng nhau</p> <p>► Chú ý Hai tia không trùng nhau còn được gọi là hai tia phân biệt</p>
6 Phút	<p>Hoạt động 4: Củng cố kiến thức</p> <p>HĐ nhóm thực hiện ?2</p> <p>GV: Em hãy quan sát hình vẽ và trả lời các câu GV sau:</p> <p>a) Tia OB trùng với tia nào? b) Ox, Ax có trùng nhau không? c) Tại sao Ox ; Oy không đối nhau?</p> <p>GV: Cho đại diện HS lên bảng trình bày cách thực hiện. HS nhận xét và bổ sung thêm vào cách thực hiện của bạn. GV: Uốn nắn thống nhất cách trình bày cho HS</p>	<p>4. Củng cố</p> <p>?2 Hướng dẫn</p>  <p>a) Tia OB trùng với tia Oy b) Hai tia Ox và Ax không trùng nhau. Vì hai tia không chung gốc. c) Hai tia Ox, Oy không đối nhau vì không tạo thành một đường thẳng.</p>

4. Củng cố: (4 Phút)

- Bài tập 22 sgk

5. Dặn dò: (1 Phút)

- Học thuộc định nghĩa - tia góc O; 2 tia đối nhau, 2 tia trùng nhau.
- BTVN: 23; 24 (113 - SGK) + 26; 27; 28 (99 - SBT).
- Tiết sau: Luyện tập.

LUYỆN TẬP

I/ MỤC TIÊU: Học xong bài này học sinh phải:

1. Kiến thức:

- Học sinh củng cố các kiến thức về cộng 2 đoạn thẳng.

2. Kỹ năng:

- Rèn kỹ năng giải bài tập tìm số đo đoạn thẳng lập luận theo mẫu:
"Nếu M nằm giữa A và B thì $AM + MB = AB$ "
- Nhận biết một điểm nằm giữa hay hai điểm nằm giữa hai điểm khác.
- Biết so sánh độ dài của các đoạn thẳng.

3. Thái độ:

- Cần thận khi đo các đoạn thẳng, cộng độ dài các đoạn thẳng. Bước đầu tập suy luận và rèn kỹ năng tính toán.

II/ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

- Phương pháp Vấn đáp, phương pháp trực quan,
- Phương pháp tích hợp, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp luyện tập.

III/ CHUẨN BỊ:

Giáo viên: Đọc tài liệu, nghiên cứu soạn bài SGK, thước thẳng, băng phụ.

Học Sinh: Chuẩn bị bài theo hướng dẫn SGK
Làm bài tập.

III. Tiến trình lên lớp:

1. Ổn định lớp: Nắm sĩ số, nề nếp lớp. (1 Phút)

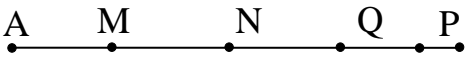
2. Kiểm tra bài cũ:

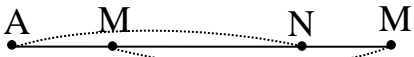
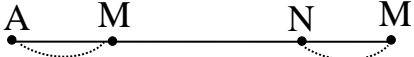

HS: Khi nào thì độ dài AM cộng MB bằng AB?

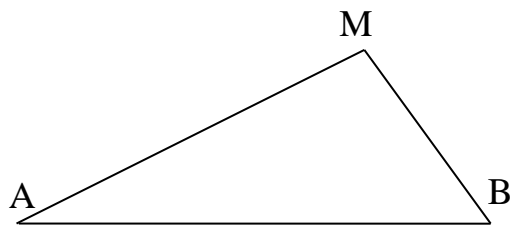
3. Nội dung bài mới:

a/ Đặt vấn đề.

b/ Triển khai bài.

TG	HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY VÀ TRÒ	NỘI DUNG KIẾN THỨC
13 Phút	Hoạt động 1: Tìm hiểu cách đo lớp học GV: Gọi 1HS: Đọc đề GV : Nếu A và B là hai điểm mút của bề rộng lớp học thì đoạn thẳng AB được chia làm mấy phần? Hãy vẽ hình mô tả? GV: Cho HS lên bảng trình bày cách thực hiện.	Dạng 1: Đo đoạn thẳng bằng thước ngắn Bài tập 48 trang 121 SGK Hướng dẫn Ta có: 

<p>12 Phút</p>	<p>GV: Cho HS nhận xét và bổ sung thêm.</p> <p>GV: Uốn nắn và thống nhất cách trình bày cho học sinh.</p> <p>Hoạt động 2: Thực hiện so sánh hai đoạn thẳng</p> <p>GV: Gọi 1HS đọc đề bài</p> <p>GV: Em hãy vẽ hình theo yêu cầu của đề bài?</p> <p>GV: Còn có trường hợp nào khác nữa không?</p> <p>GV: Chốt lại có hai trường hợp vẽ hình</p> <p>GV: Trong hình (a) độ dài AN ; BM bằng tổng độ dài những đoạn thẳng nào?</p> <p>GV: Đề bài cho biết điều gì?</p> <p>GV: Suy ra điều gì?</p> <p>GV: Có thể kết luận gì về AM và BN.</p> <p>GV : Gọi 1HS lên bảng so sánh AM và BN</p>	<p>$AM + MN + NP + PQ + QP = AB$ $AM = MN = NP = PQ = 1,25m$ $QB = \frac{1}{5} \cdot 1,25 = 0,25m.$</p> <p>Vậy bề rộng lớp học là: $4 \cdot 1,25 + 0,25$ $= 5 + 0,25 = 5,25 (m)$</p> <p>Dạng 2: So sánh hai đoạn thẳng Bài tập 49 trang 121 SGK Hướng dẫn</p> <p>a)</p>  <p>$AN = AM + MN$ $BM = BN + MN$ $\Rightarrow AM + MN = BN + MN$ $\Rightarrow AM = BN$</p> <p>b)</p>  <p>Ta có: $AN = AM - MN$ $BM = BN - MN$ Vì $AN = BM$ $\Rightarrow AM - NM = BN - NM$ $\Rightarrow AM = BN$</p>
<p>10 Phút</p>	<p>Hoạt động 3: Bài làm thêm</p> <p>Trong mỗi trường hợp sau, hãy vẽ hình và cho biết ba điểm A ; B ; M có thẳng hàng không?</p> <p>a) $AM = 3,1cm ; MB = 2,9cm ; AB = 6cm.$</p> <p>b) $AM = 3,1cm ; MB = 2,9cm ; AB = 5cm$</p> <p>c) $AM = 3,1cm ; MB = 2,9cm ; AB = 7cm.$</p> <p>GV: Cho các nhóm trao đổi thảo</p>	<p>3. Bài làm thêm</p> <p>a) Vì $3,1 + 2,9 = 6$ Nên $AM + MB = AB$ $\Rightarrow A ; B ; M$ thẳng hàng</p>  <p>b) Vì $AM + MB \neq AB$ $AM + AB \neq MB$</p>

	luận, vẽ hình cho mỗi trường hợp. Mỗi nhóm cử 1 HS lên bảng trình bày kết quả.	$MB + AB \neq MA$ $\Rightarrow A ; B ; C$ không thẳng hàng.  c) Vì $AM + MB < AB$ \Rightarrow Không vẽ được.
--	---	--

4. Củng cố: (4 Phút)(Trong bài)

- GV nhấn mạnh lại tính chất điểm nằm giữa hai điểm còn lại.
- Khi nào thì ba điểm A, B, C thẳng hàng?
- Hướng dẫn HS làm bài tập 49 SGK.

5. Dặn dò: (1 Phút)

- Xem lại các bài tập đã làm.
- BTVN: 45; 46; 49; 51 (102-103 SBT)
- Đọc trước bài: §9.

GIÁO ÁN HÌNH HỌC 6,7,8,9 ĐẦY ĐỦ, CHI TIẾT LH: Maihoa131@gmail.com

Giáo án các bộ môn cấp THCS theo chuẩn KTKN, SKKN mới nhất theo yêu cầu, bài giảng Power Point, Video giảng mẫu các môn học, tài liệu ôn thi...

KIỂM TRA CHƯƠNG I

I/ MỤC TIÊU: Học xong bài này học sinh phải:

1. Kiến thức:

- Kiểm tra việc lĩnh hội các kiến thức đã học trong chương I.
- Qua bài kiểm tra, HS: và GV: rút ra được kinh nghiệm cải tiến phương pháp học tập và phương pháp giảng dạy

2. Kỹ năng:

- Kỹ năng vẽ hình; kỹ năng sử dụng thước thẳng chia khoảng; compa.
- Kỹ năng lập luận để giải các bài toán đơn giản.

3. Thái độ:

Rèn tính cẩn thận, chính xác, kỉ luật, tự giác.

II/ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

- Kiểm tra, đánh giá.

III/ CHUẨN BỊ:

Giáo viên: Đề, đáp án, thang điểm

Học Sinh: Nội dung ôn tập

IV/ TIẾN TRÌNH LÊN LỚP:

3. Nội dung bài mới: (42 Phút)

a/Đặt vấn đề:

- Đã nghiên cứu xong II và III chương đầu tiên
- Tiến hành kiểm tra 1 tiết để đánh giá kiến thức mình đã học.

2. Triển khai bài:

Hoạt động 1: Nhắc nhở: (1 Phút)

- GV: Nhấn mạnh một số quy định trong quá trình làm bài
- HS: Chú ý

Hoạt động 2: Nhận xét (1 Phút)

GV: Nhận xét ý thức làm bài của cả lớp

- Ưu điểm:
- Hạn chế:

5. Dặn dò: (1 Phút)

- Ôn lại các nội dung đã học
- Bài mới: Vật mẫu: (GV: Hướng dẫn chuẩn bị)

1. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

KT	Đánh giá	Biết	Hiểu	Vận dụng		Tổng số điểm
				Thấp	Cao	
	Điểm, đường thẳng, tia, đoạn thẳng. 2 câu 4 điểm	Vẽ đường đường thẳng xy	Trên đường thẳng a lấy ba điểm A, B, C			4 điểm
	Tỉ lệ: 40%	2điểm=50%	2điểm=50%			40%
	Độ dài đoạn thẳng. Cộng hai đoạn thẳng. 1 câu 2 điểm			Tính độ dài đoạn thẳng IK.		2 điểm
	Tỉ lệ: 20%			2điểm=100%		20%
	Trung điểm của đoạn thẳng. 1 câu 4 điểm			a. Điểm A có nằm giữa hai điểm O và B không. b. So sánh OA và AB. c. Điểm A có là trung điểm của đoạn thẳng OB không. Vì sao.		4 điểm

Tỉ lệ: 40%			4điểm=100%		40%
Tổng	6 điểm	3 điểm			10 điểm

2. ĐỀ KIỂM TRA

Câu 1 (2 điểm):

Vẽ đường thẳng xy. Trên xy lấy ba điểm A, B, C theo thứ tự đó.

a/ Kể tên các tia có trên hình vẽ (Các tia trùng nhau chỉ kể một lần)

b/ Hai tia Ay và By có phải là hai tia trùng nhau không? Vì sao

c/ Kể tên hai tia đối nhau gốc B.

Câu 2 (2 điểm):

Trên đường thẳng a lấy ba điểm A, B, C. Hỏi có mấy đoạn thẳng tất cả. Hãy gọi tên các đoạn thẳng ấy.

Câu 3 (2 điểm):

Gọi N là một điểm của đoạn thẳng IK. Biết $IN = 3\text{cm}$, $NK = 6\text{cm}$. Tính độ dài đoạn thẳng IK.

Câu 4 (4 điểm):

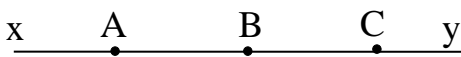
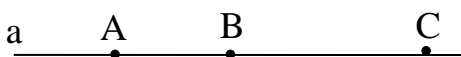

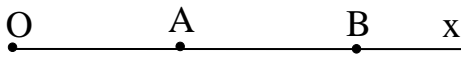
Trên tia Ox, vẽ hai điểm A, B sao cho $OA = 3.5\text{cm}$, $OB = 7\text{cm}$.

a. Điểm A có nằm giữa hai điểm O và B không.

b. So sánh OA và AB.

c. Điểm A có là trung điểm của đoạn thẳng OB không. Vì sao.

3. ĐÁP ÁN BIỂU ĐIỂM

NỘI DUNG	ĐIỂM
<p>Câu 1:</p>  <p>a/ Trên hình gồm có 6 tia : Ax, Ay, Bx, By, Cx, Cy</p> <p>b/ Ay và By không phải là hai tia trùng nhau vì không chung gốc.</p> <p>c/ Hai tia đối nhau gốc B là Bx và By</p>	<p>1 điểm</p> <p>0.5 điểm</p> <p>0.5 điểm</p>
<p>Câu 2:</p>  <p>Trên hình vẽ gồm có 3 đoạn thẳng là: AB ; BC ; AC</p>	<p>0.5 điểm</p> <p>1.5 điểm</p>
<p>Câu 3:</p>  <p>Điểm N nằm giữa hai điểm i và K, nên ta có</p> <p>$IK = IN + NK$</p> <p>$IK = 3 + 6$</p> <p>$IK = 9(\text{cm})$</p>	<p>0.5 điểm</p> <p>1.5 điểm</p>
<p>Câu 4.</p> 	<p>0.5 điểm</p>

a/ Do điểm A và B nằm trên tia Ox mà $OA < OB$ ($3.5 < 7$) Suy ra điểm A nằm giữa hai điểm O và B (1)	<i>1 điểm</i>
b/ Vì điểm A nằm giữa hai điểm O và B, nên ta có $OA + AB = OB$ Suy ra : $AB = OB - OA = 7 - 3.5 = 3.5(\text{cm})$ Vậy : $OA = AB (= 3.5\text{cm})$ (2)	<i>1.5 điểm</i>
c/ Từ (1) và (2) ta có điểm A nằm giữa hai điểm O và B và cách đều hai điểm O và B nên điểm A là trung điểm của đoạn thẳng OB	<i>1 điểm</i>

HỌC KÌ II

CHƯƠNG II: GÓC §1. NỬA MẶT PHẶNG.

I/ MỤC TIÊU: Học xong bài này học sinh phải:

1. Kiến thức:

- Hiểu thế nào là mặt phẳng, về tia nằm giữa 2 tia khác.

2. Kỹ năng:

- HS nhận biết được nửa mặt phẳng. HS biết cách vẽ, nhận biết tia nằm giữa hai tia.

3. Thái độ:

- Phát huy óc tư duy, trừu tượng của học sinh, ý thức liên hệ thực tế.

II/ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

- Phương pháp Vấn đáp, phương pháp trực quan,

- Phương pháp tích hợp, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp luyện tập.

III/ CHUẨN BỊ:

Giáo viên: Đọc tài liệu, nghiên cứu soạn bài

Thước thẳng, phấn màu

Học Sinh: Chuẩn bị bài theo hướng dẫn SGK

Đọc trước bài, thước thẳng, giấy nháp.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp: Năm sĩ số, nề nếp lớp. (1 Phút)

2. Kiểm tra bài cũ: (4 Phút)

Giới thiệu chương trình học kì II: chương II: Góc

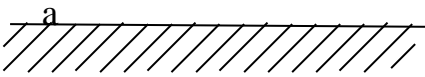
1. Bài mới:

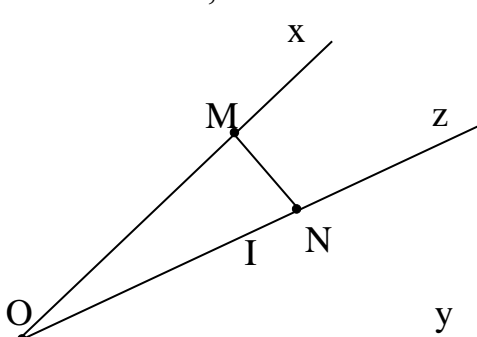
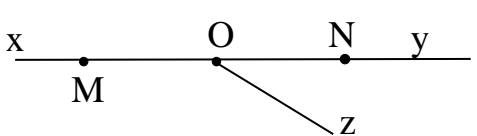
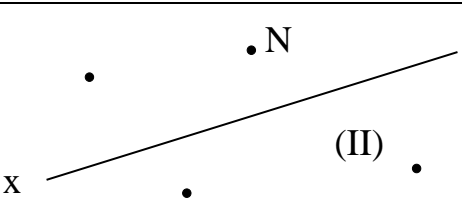
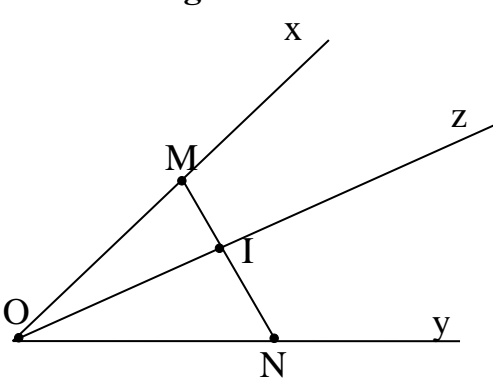
a/ Đặt vấn đề.

GV: Giới thiệu về mặt phẳng: Biểu tượng mặt phẳng là trang giấy, mặt bảng. Chúng ta đã vẽ nhiều đường thẳng, nhiều điểm trên trang giấy. Những biểu tượng đó hàm ý nói: Trong hình học phẳng, mặt phẳng là hình cho trước, là tập hợp điểm trên đó ta nghiên cứu hình nào đó (đường thẳng, đoạn thẳng, tia, góc, ...). Mỗi hình này là 1 tập hợp con của mặt phẳng.

Mặt phẳng là hình cơ bản, không định nghĩa. Mặt phẳng không giới hạn về mọi phía.

b/ Triển khai bài.

TG	HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY VÀ TRÒ	NỘI DUNG KIẾN THỨC
18 Phút	<p>Hoạt động 1: Nửa mặt phẳng</p> <p>GV: Giới thiệu hình ảnh một mặt phẳng . Mặt phẳng có giới hạn không? HS: Trả lời Cho ví dụ về hình ảnh của mặt phẳng trong thực tế? HS: Trả lời. GV: Vẽ một đường thẳng a rồi tạo thành 2 phần (như hình vẽ 1 SGK). Giới thiệu nửa mặt phẳng bờ a. Thế nào là nửa mặt phẳng bờ a? HS: Trả lời. Chỉ rõ từng nửa mặt phẳng bờ a trên hình HS: Một hs lên bảng các hs khác nhận xét GV: Nhận xét, yêu cầu hs vẽ đường thẳng xy và chỉ ra các nửa mặt phẳng</p>	<p>1. Nửa mặt phẳng:</p> <p>- Định nghĩa: Hình gồm đường thẳng a và một phần mặt phẳng bị chia ra bởi a được gọi là một nửa mặt phẳng bờ a .</p>  <p>- Hai nửa mặt phẳng có chung bờ gọi là hai nửa mặt phẳng đối nhau.</p> <p>- Bất kỳ đường thẳng nằm trên mặt phẳng cũng là bờ chung của hai mặt phẳng đối nhau</p> <p>- Cách gọi tên nửa mặt phẳng:</p>

<p>17 Phút</p>	<p>HS: Thực hiện GV: Giới thiệu mặt phẳng đối nhau, mỗi đường thẳng là một bờ chung của hai mặt phẳng đối nhau. HS: Theo dõi ghi bài. GV: giới thiệu cách gọi tên các mặt phẳng HS: Lắng nghe. Gọi tên một vài nửa mặt phẳng. GV: giới thiệu hai điểm cùng phía, khác phía. Hoạt động 2: Tia nằm giữa hai tia GV: Yêu cầu hs vẽ ba tia chung gốc Ox, Oy, Oz . Lấy hai điểm M và N lần lượt thuộc tia Ox và Oy, nối NM HS: Thực hiện Tia Oz có cắt NM không? HS: Quan sát trả lời. GV: giới thiệu tia nằm giữa hai tia khác HS: Theo dõi, làm ?2 .</p>   <p>GV: Nhận xét bổ sung</p>	 <p>2. Tia nằm giữa hai tia:</p>  <p>Nhận xét: Tia Ox được gọi là tia nằm giữa hai tia Oy và Oz khi tia Ox cắt đoạn thẳng nối bất kỳ hai điểm thuộc hai tia Oy và Oz. Bất kỳ tia nào chung gốc với hai tia đối nhau đều nằm giữa hai tia đối nhau đó.</p>
----------------	--	---

4. Củng cố :

- Nhắc lại định nghĩa nửa mặt phẳng, tia nằm giữa hai tia
- Làm bt1, bt2 sgk

5. Hướng dẫn học sinh học ở nhà :

- Về nhà làm các bài tập trong SGK và xem trước bài: Góc

GIÁO ÁN HÌNH HỌC 6,7,8,9 ĐẦY ĐỦ, CHI TIẾT LH: Maihoa131@gmail.com

Giáo án các bộ môn cấp THCS theo chuẩn KTKN, SKKN mới nhất theo yêu cầu, bài giảng Power Point, Video giảng mẫu các môn học, tài liệu ôn thi...

CỘNG SỐ ĐO HAI GÓC

I/ MỤC TIÊU: Học xong bài này học sinh phải:

1. Kiến thức:

- Nắm được điều kiện để cộng hai góc, biết định nghĩa hai góc phụ nhau, bù nhau, kề nhau, kề bù.

2. Kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng nhận biết hai góc phụ nhau, bù nhau, kề nhau, kề bù; biết cộng số đo hai góc kề nhau.

3. Thái độ:

- Có thái độ vẽ, đo cẩn thận chính xác.

II/ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

- Phương pháp Vấn đáp, phương pháp trực quan,
- Phương pháp tích hợp, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp luyện tập.

III/ CHUẨN BỊ:

Giáo viên: Đọc tài liệu, nghiên cứu soạn bài

Học Sinh: Chuẩn bị bài theo hướng dẫn SGK

IV/ TIẾN TRÌNH LÊN LỚP:

1. Ổn định lớp: Nắm sĩ số, nề nếp lớp. (1 Phút)

2. Kiểm tra bài cũ: (4 Phút)

Cho góc xOy. Vẽ tia Oz nằm giữa hai tia Ox, Oy .

a) Đọc tên và ghi ký hiệu các góc có trong hình vẽ .

b) Cho biết số đo các góc đó .

c) So sánh xOy với tổng của xOz, zOy .

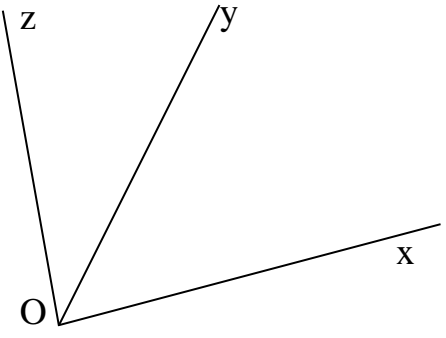
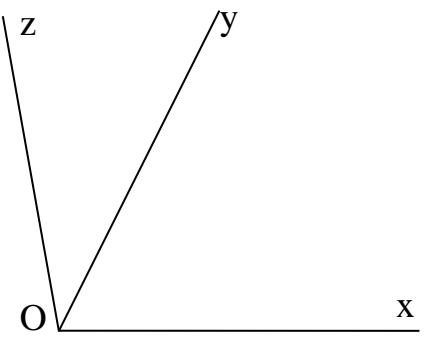
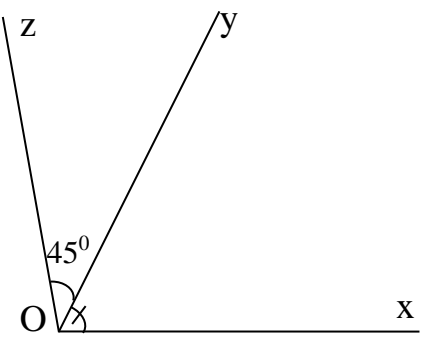
3. Nội dung bài mới:

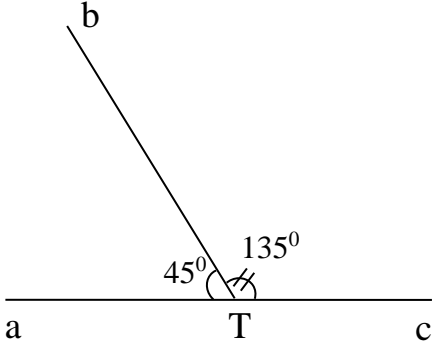
a/ Đặt vấn đề.

Giáo viên dựa vào kết quả kiểm tra bài cũ để đặt vấn đề.

b/ Triển khai bài.

TG	HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY VÀ TRÒ	NỘI DUNG KIẾN THỨC
18 Phút	Hoạt động 1: Khi nào thì tổng số đo hai góc xOy và góc yOz bằng số đo góc xOz (19') GV: Yêu cầu hs làm ?1sgk HS: Thực hiện, một hs lên bảng Qua kết quả vừa thực hiện, khi nào thì $xOz + zOy = xOy$	1. Khi nào thì tổng số đo hai góc xOy và góc yOz bằng số đo góc xOz.

<p>17 Phút</p>	<p>HS: Trả lời GV: Giới thiệu ý "ngược lại" và phát biểu hoàn chỉnh tính chất cộng hai góc. HS: Chú ý ghi bài. Khi có một tia nằm giữa hai tia khác, làm thế nào để xác định số đo ba góc với số lần đo ít nhất? HS: Suy nghĩ trả lời GV: Nhận xét. Hỏi: Nếu $\angle ABC = \angle ABD + \angle DBC$ thì có thể nói tia nào nằm giữa hai tia nào? HS: Thảo luận, trả lời GV: Yêu cầu hs làm bài tập số 18 SGK. HS: Thực hiện Làm thế nào để tính số đo góc BOC? HS: Trả lời GV: Nhận xét bổ sung, gọi hs lên bảng thực hiện HS: Thực hiện, kiểm tra lại</p> <p>Hoạt động 2: Hai góc kề nhau, hai góc phụ nhau, hai góc bù nhau, hai góc kề bù GV: Yêu cầu hs tự đọc các khái niệm ở mục 2 HS: Thực hiện trong 3 phút GV: Yêu cầu hs hoạt động nhóm nhóm 1: Thế nào là hai góc kề nhau? Vẽ hình minh họa, chỉ rõ hai góc kề nhau trên hình Nhóm 2: Thế nào là hai góc phụ nhau? Tìm số đo của góc phụ với góc 30°; 45°? Nhóm 3: Thế nào là hai góc bù nhau?</p>	  <p>Nhận xét: Nếu tia Oy nằm giữa hai tia Ox và Oz thì $\angle xOy + \angle yOz = \angle xOz$ và ngược lại, nếu $\angle xOy + \angle yOz = \angle xOz$ thì tia Oy nằm giữa hai tia Ox và Oz</p> <p>2. Hai góc kề nhau, hai góc phụ nhau, hai góc bù nhau, hai góc kề bù</p> 
--------------------	---	--

<p>Cho góc $A = 105^\circ$; Góc $B = 75^\circ$, hai góc này có bù nhau không? Vì sao? Nhóm 4: Thế nào là hai góc kề bù? Hai góc kề bù có tổng bằng bao nhiêu? Vẽ hình minh họa? HS: Thảo luận sau 4 phút đại diện các nhóm trình bày. GV: Có thể đưa câu hỏi bổ sung. HS: Theo dõi trả lời GV: Nhận xét.</p>	 <p>Hai góc xOy và yOz kề nhau Hai góc yOz và aTb phụ nhau Hai góc yOz và bTc bù nhau Hai góc aTb và bTc kề bù</p>
--	---

4. Củng cố: (4 Phút)

- Nhắc lại tổng hai góc, các khái niệm góc kề, góc phụ, góc bù nhau, góc kề bù.
- Làm bt 18, 21sgk

5. Dặn dò: (1 Phút)

- Nắm vững nội dung bài học
- Làm bt 19, 20, 22, 23sgk
- Đọc trước bài vẽ góc khi biết số đo

LUYỆN TẬP

I/ MỤC TIÊU: Học xong bài này học sinh phải:

1. Kiến thức:

- Củng cố và khắc sâu kiến thức về tia phân giác của một góc.

2. Kỹ năng:

- Rèn kỹ năng giải bài tập về tính góc và áp dụng vào giải bài tập.
- Rèn kỹ năng vẽ hình.

3. Thái độ:

- HS cẩn thận trong tính toán và vẽ hình hình chính xác.

II/ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

- Phương pháp Vấn đáp, phương pháp trực quan,
- Phương pháp tích hợp, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp luyện tập.

III/ CHUẨN BỊ:

Giáo viên: Đọc tài liệu, nghiên cứu soạn bài
 Bảng phụ, phấn màu, thước thẳng, thước đo độ.
 Học Sinh: Chuẩn bị bài theo hướng dẫn SGK

Làm BT, thước thẳng, thước đo độ.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Ôn định

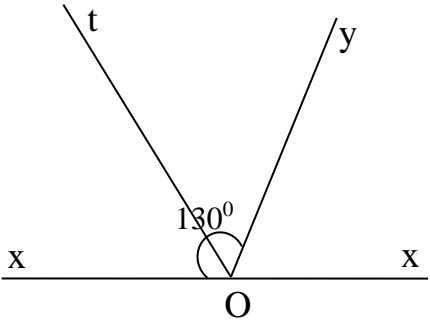
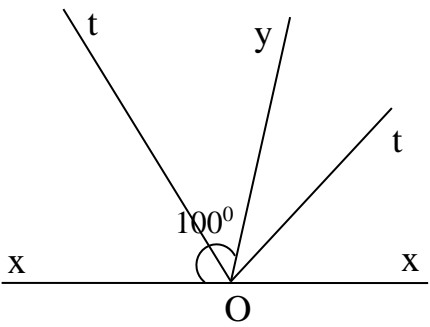
2. Kiểm tra bài cũ: (4 Phút)

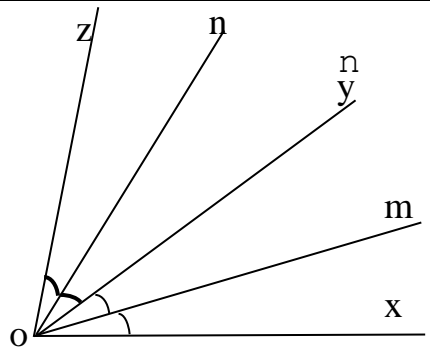
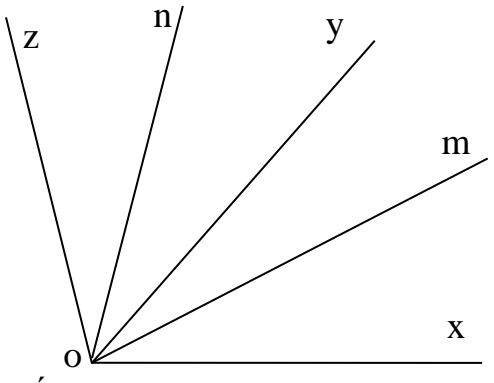
- Thế nào là tia phân giác của một góc?
- Trình bày cách vẽ tia phân giác của $\angle AOB = 128^\circ$?

3. Nội dung bài mới:

a/Đặt vấn đề:

b/Triển khai bài:

TG	HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY VÀ TRÒ	NỘI DUNG KIẾN THỨC
13 Phút	<p>Hoạt động 1: Luyện vẽ góc đơn giản và tính số đo các góc</p> <p>GV: yêu cầu hs làm Bài tập 33(sgk) HS: vẽ hình theo đề bài. Có những cách tính nào? HS: C₁: sử dụng tính chất của hai góc kề bù; C₂: $\angle x'Ot = \angle x'Oy + \angle yOt$ Chọn cách nào? vì sao? HS: Cách 1 bởi khỏi tính $\angle x'Oy$ và và chứng tỏ Oy nằm giữa Ox' và Ot. HS: trình bày lời giải bài toán. GV: Yêu cầu hs làm tiếp Bài tập 34(sgk) HS: vẽ hình và tính góc $\angle x'Ot$ và $\angle xOt'$. GV: Riêng việc tính góc $\angle tOt'$ ta có nhiều cách: C₁: $\angle tOt' = \angle xOt' - \angle xOt$ C₂: $\angle tOt' = \angle x'Ot - \angle x'Ot'$ C₃: $\angle tOt' = \angle tOy - \angle yOt'$ C₄: $\angle tOt' = \angle xOx' - (\angle xOt + \angle x'Ot')$</p>	<p>1. Chữa BT 33 (87 - SGK)</p>  <p>Ta có $\angle xOt = \angle xOy/2 = 65^\circ$ (Vì Ot là phân giác góc xOy) Vì $\angle xOt$ và $\angle tOx'$ kề bù nên: $\angle xOt + \angle tOx' = 180^\circ$ Suy ra: $\angle x'Ot = 180^\circ - \angle xOt = 180^\circ - 65^\circ = 115^\circ$</p> <p>Bài tập 34:</p>  <p>Kết quả: $\angle x'Ot = 130^\circ, \angle xOt' = 140^\circ;$ $\angle tOt' = 90^\circ$</p> <p>1. Chữa BT 36 (87 - SGK)</p>
12 Phút	<p>Hoạt động 2: Luyện vẽ hình và tính toán hình học phức tạp hơn</p>	

<p>10 Phút</p>	<p>GV: Yêu cầu hs đọc đề bài tập 36sgk HS: Một hs đọc đề. Đầu bài cho gì? hỏi gì? HS: Trả lời. GV: Gọi hs lên bảng vẽ hình. HS: Thực hiệnm các hs khác vẽ vào vở GV: Nhận xét Tính góc mOn như thế nào? HS: suy nghĩ trả lời. GV: Nhận xét bổ sung. Gọi một hs đứng tại chỗ nêu bài làm. HS: Thực hiện, các hs khác nhận xét. GV: Ghi bảng.</p> <p>Hoạt động 3: Luyện tập GV: Yêu cầu hs đọc đề và vẽ hình bt 37 HS: vẽ hình theo đề bài. Vì sao tia Oy nằm giữa hai tia Ox và Oz? Lúc đó ta có hệ thức nào? HS: suy nghĩ trả lời. GV: hướng dẫn HS tính và trình bày bài giải. Vì sao tia Om nằm giữa hai tia Ox và On? HS: Trả lời Có cách tính nào khác để được số đo góc $\angle mOn$? HS: Trả lời. GV: Nhận xét chung</p>	 <p>Kết quả : $y\hat{O}z = 50^{\circ}$, $n\hat{O}y = 25^{\circ}$, $m\hat{O}y = 40^{\circ}$.</p> <p>3. Chữa BT 37 (87 - SGK)</p>  <p>Kết quả: $y\hat{O}z = 90^{\circ}$; $m\hat{O}n = 60^{\circ}$</p>
----------------	---	---

4. Củng cố: (4 Phút)

- Tia phân giác của một góc là gì?

5. Dặn dò: (1 Phút)

- Xem lại các bài tập đã làm.
- BTVN: 36, 37 (87 - SGK) + 31; 32; 33; 34 (SBT - 56)
- Chuẩn bị: Thực hành đo góc trên mặt đất (HS đọc trước bài)

ÔN TẬP CUỐI NĂM

I/ MỤC TIÊU: Học xong bài này học sinh phải:

1. Kiến thức:

- Hệ thống hoá kiến thức chương I, chương II

2. Kỹ năng:

- Sử dụng thành thạo các dụng cụ để đo, vẽ góc, đường tròn, tam giác.
- Bước đầu tập suy luận đơn giản

3. Thái độ:

II/ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

- Phương pháp Vấn đáp, phương pháp trực quan,
- Phương pháp tích hợp, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp luyện tập.

III/ CHUẨN BỊ:

Giáo viên: Đọc tài liệu, nghiên cứu soạn bài

Bảng phụ vẽ một số mô hình hình học, bài tập. Thước kẻ, com pa, thước đo góc, phấn màu.

Học Sinh: Chuẩn bị bài theo hướng dẫn SGK

Thước kẻ, com pa, thước đo góc. Chuẩn bị các câu hỏi, bài ôn tập vào

IV/ TIẾN TRÌNH LÊN LỚP:

1. Ôn định lớp: Năm sĩ số, nề nếp lớp. (1 Phút)

2. Kiểm tra bài cũ: (4 Phút)

HS1: Góc là gì?

HS2: Tam giác ABC là gì? Vẽ tam giác ABC có $BC = 5\text{cm}$; $AB = 3\text{cm}$; $AC = 4\text{cm}$.

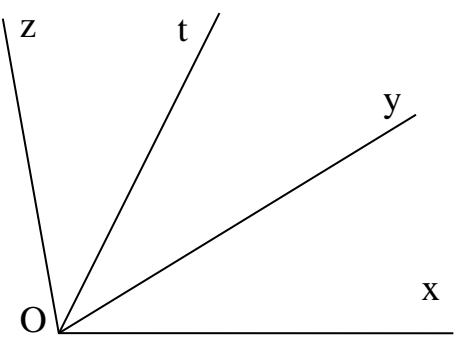
3. Nội dung bài mới:

a/ Đặt vấn đề.

b/ Triển khai bài.

TG	HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY VÀ TRÒ	NỘI DUNG KIẾN THỨC
13 Phút	<p>Hoạt động 1:</p> <p>Bài 1: Mỗi hình trong bảng trên cho ta biết những gì?</p> <p>GV: Có thể hỏi thêm 1 số kiến thức của các hình đó.</p> <p>Ví dụ:</p> <p>Thế nào là nửa mặt phẳng bờ a.</p> <p>Thế nào là góc nhọn, góc vuông, góc tù, góc bẹt.</p> <p>Thế nào là 2 góc bù nhau, hai góc phụ nhau, 2 góc kề nhau, 2 góc kề bù.</p>	<p>I. Đọc hình để củng cố kiến thức</p> <p>H1: Hai nửa mặt phẳng có chung bờ a đối nhau.</p> <p>H2: Góc nhọn xOy, A là 1 điểm nằm bên trong góc.</p> <p>H3: Góc vuông mIn</p> <p>H4: Góc tù aPb</p> <p>H5: Góc bẹt xOy có Ot là 1 tia phân giác của góc.</p> <p>H6: 2 góc kề bù</p> <p>H7: 2 góc kề phụ</p>

<p>12 Phút</p>	<p>Tia phân giác của 1 góc là gì? Mỗi góc có mấy tia phân giác (góc bẹt và góc không phải là góc bẹt). Đọc tên các đỉnh, cạnh, góc của tam giác ABC. Thế nào là đường tròn tâm O, bán kính R. Hoạt động 2: Củng cố kiến thức Hãy điền vào chỗ (...) để được câu đúng? Giáo viên treo bảng phụ ghi sẵn: Cho học sinh thảo luận theo nhóm để chọn từ đúng sau đó cử đại diện một nhóm lên điền. Cả lớp nhận xét và bổ sung</p> <p>Bài tập 3 cho học sinh hoạt động như bài 1 khi điền đúng sai cần kèm theo giải thích vì sao sai. a) Sai. b) Đúng c) Sai d) Sai e) Đúng f) Sai h) Đúng</p>	<p>H8: Tia phân giác của góc H9: Tam giác ABC H10: Đường tròn tâm O, bán kính R</p> <p>II. Củng cố kiến thức qua việc dùng ngôn ngữ Bài 2: a) Trong ba điểm thẳng hàng (...) nằm giữa hai điểm còn lại. b) Có một và chỉ một đường thẳng đi qua (...) c) Mỗi điểm trên đường thẳng là (...) của hai tia đối nhau? d) Nếu (...) Thì $AM+MB=AB$ e) Nếu $AM=MB =AB/2$ thì... Bài 3: Dạng bài đúng sai: a) đoạn thẳng AB là hình gồm các điểm nằm giữa A và B b) Nếu M là trung điểm của đoạn thẳng AB thì M cách đều hai điểm A và B c) Trung điểm của đoạn thẳng AB là điểm cách đều A và B. d) Hai tia phân biệt là hai tia không có điểm chung. e) Hai tia đối nhau cùng nằm trên một đường thẳng. f) Hai tia cùng nằm trên một đường thẳng thì đối nhau? h) Hai đường thẳng phân biệt hoặc cắt nhau hoặc song song.</p> <p>III. Luyện tập kỹ năng vẽ hình và tập suy luận. HS1: làm câu a và b HS2: làm câu c và vẽ góc 60^0 HS3: Vẽ góc 135^0 và góc vuông 1 HS lên bảng vẽ hình, các HS khác vẽ hình vào vở.</p>
<p>10 Phút</p>	<p>Hoạt động 3: Luyện kỹ năng vẽ hình và tập suy luận Bài 4: a) Vẽ 2 góc phụ nhau b) Vẽ 2 góc kề nhau c) Vẽ 2 góc kề bù d) Vẽ góc 60^0; 135^0, góc vuông Bài 5: (bài tập tổng hợp) GV đưa đề</p>	<p>HS1: làm câu a và b HS2: làm câu c và vẽ góc 60^0 HS3: Vẽ góc 135^0 và góc vuông 1 HS lên bảng vẽ hình, các HS khác vẽ hình vào vở.</p>

	<p>bài lên bảng phụ. Gọi HS đọc đề bài trên bảng phụ. Trên một nửa mặt phẳng bờ có chứa tia Ox, vẽ hai tia Oy và Oz sao cho.</p> <p>$\widehat{xOy} = 30^\circ$; $\widehat{xOz} = 110^\circ$</p> <p>a) Trong ba tia Oz, Oy, Oz tia nào nằm giữa hai tia còn lại? Vì sao?</p> <p>b) Tính góc \widehat{yOz}</p> <p>c) Vẽ Ot là tia phân giác của \widehat{yOz}, tính \widehat{zOt}, \widehat{tOx}</p> <p>(GV cùng làm việc với HS) Câu hỏi gợi ý: Em hãy so sánh \widehat{xOy} và \widehat{xOz}, từ đó suy ra tia nào nằm giữa hai tia còn lại. Có tia Oy nằm giữa hai tia Ox và Oz thì suy ra điều gì?</p> <p>Có Ot là tia phân giác của \widehat{yOz}, vậy \widehat{zOt} tính thế nào? Làm thế nào để tính \widehat{tOx}?</p>	 <p>a. Có</p> <p>$\widehat{xOy} = 30^\circ$ $\widehat{xOz} = 110^\circ$ $\Rightarrow \widehat{xOy} < \widehat{xOz} (30^\circ < 110^\circ)$ \Rightarrow Tia Oy nằm giữa hai tia Ox và Oz.</p> <p>b) Vì tia Oy nằm giữa tia Ox và Oz nên:</p> <p>$\widehat{xOy} + \widehat{yOz} = \widehat{xOz}$ $\Rightarrow \widehat{yOz} = \widehat{xOz} - \widehat{xOy}$ $\widehat{yOz} = 110^\circ - 30^\circ$ $\widehat{yOz} = 80^\circ$</p> <p>c) Vì Ot là phân giác của góc yOz nên</p> <p>$\widehat{zOt} = \frac{\widehat{yOz}}{2} = \frac{80^\circ}{2} = 40^\circ$ Có $\widehat{zOt} = 40^\circ$ $\widehat{zOx} = 110^\circ$ $\widehat{zOt} < \widehat{zOx} (40^\circ < 110^\circ)$ \Rightarrow Tia Ot nằm giữa hai tia Oz và Ox</p> <p>$\widehat{zOt} + \widehat{tOx} = \widehat{zOx}$ $\Rightarrow \widehat{tOx} = \widehat{zOx} - \widehat{zOt}$ $\widehat{tOx} = 110^\circ - 40^\circ$ $\widehat{tOx} = 70^\circ$</p>
--	--	---

4. Củng cố: (4 Phút)

- Giáo viên hệ thống hóa lại các kiến thức trọng tâm

- Gọi 1 vài học sinh đọc ghi nhớ “Có thể em chưa biết”
- Hướng dẫn làm bài tập trong sách bài tập.

5. Dặn dò: (1 Phút)

- Nắm vững định nghĩa các hình (nửa mặt phẳng góc, góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt, hai góc phụ nhau, hai góc bù nhau, hai góc kề bù, tia phân giác của góc, tam giác, đường tròn.
 - Nắm vững các tính chất (3 tính chất SGK trang 96) và tính chất: trên cùng một nửa mặt phẳng bờ chứa tia Ox, có $\widehat{xOy} = m^{\circ}$; $\widehat{xOz} = n^{\circ}$; nếu $m < n$ thì tia Oy nằm giữa tia Ox và Oz.
 - Ôn lại các bài tập
-